

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/01/2011 ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;

Công văn số 81/TCTL-ĐĐ của Tổng Cục thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Công văn số 2370/BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 17/08/2011 về việc xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;

Công văn số 1691/UBND-KTKT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 21/5/2013 về việc chủ trương lập dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng;

Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và Dự toán dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng;

Xét Tờ trình số 32/TTr-SNN ngày 23/01/2015 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng, với những nội dung chính như sau:

**1. Mục tiêu:**

**1.1. Mục tiêu chung:**

Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhằm chủ động kiểm soát tình hình sạt lở bờ sông và có giải pháp chủ động ứng phó, giảm thiểu tác động đến dân sinh, kinh tế và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả của dự án là cơ sở để lập các dự án ưu tiên đầu tư phục vụ ổn định cuộc sống của người dân và sản xuất trước mắt cũng như đáp ứng với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện Biến đổi khí hậu - mực nước biển dâng.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định rõ tình hình và nguyên nhân sạt lở bờ trên hệ thống sông và mức độ ảnh hưởng;
- Phân vùng, phân cấp mức độ sạt lở bờ sông hiện trạng và dự báo cho giai đoạn năm 2015 - 2020;
- Đề xuất giải pháp khắc phục sạt lở bờ tại các khu vực trọng điểm thích ứng với biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

### 2. Nhiệm vụ của dự án:

- Thu thập tài liệu, điều tra, khảo sát thực địa về tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Đánh giá hiện trạng và xu hướng sạt lở bờ sông tại các khu vực cần quan tâm trên hệ thống sông khu vực tỉnh Trà Vinh. Từ đó, đánh giá quá trình biến đổi lòng dẫn các sông và các nguyên nhân gây ra;
- Nghiên cứu, tính toán các đặc trưng dòng chảy, lòng dẫn sông bằng mô hình toán trên hệ thống sông Trà Vinh và dự báo biến đổi lòng dẫn, sạt lở bờ bằng công thức kinh nghiệm theo các kịch bản Biến đổi khí hậu - nước biển dâng;
- Phân vùng, phân cấp mức độ sạt lở và phạm vi ảnh hưởng theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/01/2011 ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;
- Đề xuất giải pháp (công trình và phi công trình) phòng chống sạt lở lòng dẫn sông theo mức độ ưu tiên.

### 3. Nội dung và quy mô:

TT	Khu vực, địa điểm sạt lở trọng điểm	Phân cấp sạt lở	Chiều dài (m)	Công trình đề xuất
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN CÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRONG NĂM 2015</b>			
	<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>			
1	<i>Khu vực Cồn Hô ấp Mỹ Hiệp xã Đức Mỹ (TV46 - TV50)</i>	Nguy hiểm	1.539	Trồng cây + Kè đứng cọc ván BTCT-DUL
	<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>			
2	<i>Cồn Già đoạn 1 - Khu vực cồn Bàn Chát xã Hoà Tân (TV92 - TV93)</i>	Nguy hiểm	2.360	Kè mái nghiêng, thảm đá hộc
	<b>TP. TRÀ VINH</b>			
3	<i>Khu vực Cồn Long Trị xã Long Đức</i>		2.476	

3.1	Đoạn 1 - đầu cồn (C05 - C12)	Nguy hiểm	500	Kè mái nghiêng, thảm đá học
3.2	Đoạn 2 - đầu cồn (C09 - C12)	Nguy hiểm	293	Kè mái nghiêng, thảm đá học
3.3	Đoạn 3 - đuôi cồn (C23-C24)	Nguy hiểm	584	Kè mái nghiêng, thảm đá học
3.4	Đoạn 4 - đuôi cồn (C25 - C28); Đoạn 5 - Trung tâm giáo dưỡng thường xuyên (C28 -C29); Đoạn 6 - Bờ hữu gần đuôi cồn (C29 - C34)	Nguy hiểm	1.099	Trồng cây + Kè đứng cọc ván BTCT-DUL
<b>II GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016 - 2020</b>				
<b>HUYỆN CẢNG LONG</b>				
4	<i>Đoạn dọc bờ sông Cổ Chiên (TV39-TV41) ấp Hạ xã Đại Phước</i>		1.221	
4.1	C65-C67 (Nhà thờ Bãi Xan - ấp Hạ)	Nguy hiểm	328	Trồng cây + Kè đứng, tường BTCT
4.2	C69 - C71 (Bờ sông Cổ Chiên, gần cầu Cổ Chiên - ấp Hạ)	Nguy hiểm	423	Trồng cây + Kè đứng, tường BTCT
4.3	C58-C60 (Gần cống Láng Thè - ấp Hạ)	Nguy hiểm	470	Trồng cây + Kè đứng, tường BTCT
5	<i>Khu vực cống Cái Hóp ấp Mỹ Hiệp xã Đức Mỹ (TV43 - TV44)</i>	Nguy hiểm	531	Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá học xây)
6	<i>Bờ hữu sông Cổ Chiên - Đoạn dọc bờ sông Cổ Chiên ấp Đại Đức xã Đức Mỹ (TV52 - TV53)</i>	Nguy hiểm	411	Trồng cây + Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá học xây)
7	<i>Khu vực Cống Láng Thè xã Đại Phước</i>			
	Phía đồng bờ tả đoạn 1-ấp Trà Gút (C99 - C100)	Nguy hiểm	110	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>				
8	<i>Cồn Non - Khu vực cồn Bàn Chát xã Hoà Tân</i>	Nguy hiểm	1.838	Trồng cây + Kè đứng cọc ván BTCT-DUL
9	<i>Khu cồn Tân Qui xã An Phú Tân</i>	Nguy hiểm	1.809	Trồng cây + Kè đứng BTCT (hoặc đá học xây)
<b>HUYỆN TIÊU CẢN</b>				
10	<i>Khu vực Vàm Cản Chông - ấp Định Quới B - TT. Cầu Quan (TV125 - TV126)</i>	Nguy hiểm	819	Trồng cây + Kè đứng, tường BTCT

11	<i>Khu vực Cổng Cần Chông - Trà Cú A xã Tân Hoà (D67 - D79)</i>	Nguy hiểm	892	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN TRÀ CÚ</b>				
12	<i>Khu vực Cổng Trà Cú xã Kim Sơn ( D175 - 179)</i>	Nguy hiểm	70,4	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>				
13	<i>Khu vực Cổng Thâu Râu xã Mỹ Long Nam</i>		<b>162,8</b>	
13.1	Phía đồng bờ tả, Đoạn 1- áp 5 (B20 - B22)	Nguy hiểm	98,4	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
13.2	Phía sông bờ tả Đoạn 1- áp 5 (B24 - B27)	Nguy hiểm	64,4	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>III GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020</b>				
<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>				
14	<i>Khu vực Cổng Láng Thê xã Đại Phước</i>		<b>911,4</b>	
14.1	Phía đồng bờ hữu Đoạn 1-áp Long Hòa (C96 - C97)	Bình thường	91,7	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.2	Phía đồng bờ hữu Đoạn 2- áp Long Hòa (C94- C95)	Bình thường	149	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.3	Phía đồng bờ tả Đoạn 2-áp Trà Gút (C101 - C102)	Bình thường	117	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.4	Phía đồng bờ tả Đoạn 3- áp Trà Gút (C103 - C104)	Bình thường	165	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.5	Phía sông bờ hữu Đoạn 1-áp Long Hòa (C50 -C51)	Bình thường	95,9	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.6	Phía sông bờ hữu Đoạn 2-áp Long Hòa (C52 -C53)	Bình thường	81,2	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.7	Phía sông bờ tả Đoạn 1- áp Trà Gút (C48 - C49)	Bình thường	88,6	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
14.8	Phía sông bờ tả Đoạn 2-áp Trà Gút (C46 - C47)	Bình thường	123	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>				
15	<i>Đoạn dọc bờ sông Hậu, áp An Trại xã An Phú Tân (TV64 - TV68 và TV60 - TV61)</i>	Bình thường	1.324	Trồng cây + Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá xây)
16	<i>Cồn Già đoạn 2 - Khu vực cồn Bàn Chát xã Hoà Tân (TV94)</i>	Bình thường	2.481	Trồng cây + Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá xây)
17	<i>Đoạn dọc bờ sông Hậu (TV107-TV114) áp Vàm Đình xã Ninh Thới</i>	Bình thường	1.254	Trồng cây + Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá xây)

18	<i>Đoạn dọc bờ sông Hậu (TV117-TV119) ấp Rạch Đùi xã Ninh Thới</i>	Bình thường	1.084	Trồng cây + Kè nghiêng, tường BTCT (hoặc đá xây)
<b>HUYỆN TIÊU CÁN</b>				
19	<i>Đoạn dọc bờ sông Hậu (TV127-TV129) ấp Tân Hạnh Tây xã Tân Hoà</i>	Bình thường	1.433	Trồng cây + Kè nghiêng, tường đá xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN TRÀ CÚ</b>				
20	<i>Đoạn dọc bờ sông Hậu (TV131-TV137) ấp Vàm xã An Quảng Hữu</i>	Bình thường	1.361	Trồng cây + Kè nghiêng, tường đá xây (hoặc BTCT)
21	<i>Khu vực Cống Hàm Giang xã Hàm Giang (D180 - D181)</i>	Bình thường	79,8	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>				
22	<i>Khu vực Cống Thâu Râu xã Mỹ Long Nam</i>		<b>368,3</b>	
22.1	Phía đồng bờ hữu Đoạn 1-ấp 5 (B49 - B50)	Bình thường	63,1	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.2	Phía đồng bờ hữu Đoạn 2- ấp 5 (B47 - B48)	Bình thường	62,3	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.3	Phía đồng bờ hữu Đoạn 3- ấp 5 (B45 - B46)	Bình thường	28,7	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.4	Phía sông bờ hữu Đoạn 1- ấp 5 (B37- B38)	Bình thường	73,6	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.5	Phía sông bờ hữu Đoạn 2- ấp 5 (B39 - B40)	Bình thường	43	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.6	Phía sông bờ hữu Đoạn 3- ấp 5 (B41 - B42)	Bình thường	41,4	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
22.7	Phía sông bờ hữu Đoạn 4- ấp 5(B34 - B35)	Bình thường	56,2	Kè nghiêng, tường đá học xây (hoặc BTCT)
<b>TỔNG</b>			<b>27.012</b>	

#### 4. Giải pháp thực hiện:

##### 4.1. Giải pháp về vốn:

- Sử dụng nguồn vốn từ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện quyết định số 1776/QĐ-TTg; Công văn số 1610/BNN-KTHT ngày 15/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;



- Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, để đảm bảo các mục tiêu phát triển thì cần phải xem xét các ưu tiên phát triển theo cơ chế đặc thù cho Đồng bằng sông Cửu Long theo: Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg ngày 19/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Huy động vốn tối đa các nguồn vốn từ ngân sách. Khai thác các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với vùng nghèo. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg;

- Huy động nhiều nguồn vốn bao gồm: ngân sách tập trung, vốn để lại, các chương trình mục tiêu,... như: Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang; Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,...

- Cần khai thác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các dự án như: Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long.

- Khai thác các nguồn vốn từ các bộ ngành phục vụ cho việc xây dựng tuyến đường bộ ven biển Việt Nam; Xây dựng khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030,...

### **3.2. Giải pháp về chính sách:**

- Dự án sau khi được phê duyệt cần phải phổ biến công khai đến các địa phương, các ngành, các tổ chức có liên quan; đặc biệt là để toàn dân biết và thực hiện;

- Dự án phải gắn với đầu tư, trước hết là chọn đầu tư các dự án cấp bách cần phải bảo vệ dân cư và tài sản của Nhà nước, của Nhân dân trước thiên tai đe dọa nghiêm trọng. Đầu tư đồng bộ và toàn diện, dứt điểm nhằm phát huy nhanh hiệu quả đầu tư. Chú trọng kết hợp với đầu tư đường ven biển, cơ sở hạ tầng giao thông, dân cư nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân và tránh lãng phí,...

- Thực hiện nghiêm Luật đê điều và các Nghị định, Thông tư có liên quan. Đảm bảo phạm vi bảo vệ đê điều theo qui định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Cập nhật kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2011 - 2015 và dự kiến kế hoạch thực hiện 5 năm 2016 - 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chủ trì trong công tác cảnh báo và tổ chức các biện pháp phi công trình và công trình để xử lý sạt lở kịp thời, hiệu quả;

- Báo cáo định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất nếu có phát sinh mới) về các vị trí sạt lở, có nguy cơ sạt lở và các dự án phòng, chống sạt lở, tiến độ thi công các bờ kè chống sạt lở đang triển khai trên địa bàn tỉnh cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy lợi,

Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) trước ngày 01 tháng 12 hàng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan và địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án theo các giai đoạn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính: Căn cứ vào nhu cầu đầu tư các dự án phòng, chống sạt lở, mức độ sạt lở và thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ để cân đối các nguồn kinh phí bố trí thực hiện các dự án bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, biển đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.

3. Các Sở, ban ngành tỉnh có liên quan: Có trách nhiệm tham gia, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thực hiện dự án một cách tốt nhất.

4. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh: Tham mưu, đề xuất các biện pháp phòng, chống, ứng phó sạt lở kịp thời, hiệu quả.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp với các Sở, ban ngành tổ chức phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả sạt lở kịp thời, đảm bảo an toàn và giảm thiểu thiệt hại thấp nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT. UBND tỉnh Nguyễn Văn Phong;
- Như Điều 4;
- Kho Bạc NN TV;
- Chánh VP, Phó CVP KTKT;
- Phòng NC: KTTT;
- Lưu: VT, KTKT. *20/6/2011*

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong

